# Đặc tả use case chức năng:

1. Usecase chức năng



1. Mô tả usecase
2. Quản lý giỏ hàng



* + Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lý giỏ hàng |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng xem danh sách sản phẩm, cập nhật số lượng sản phẩm, thêm sản phẩm, xoá sản phẩm mà mình chọn để mua |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | * 1. [IN] Khách hàng chọn vào biểu tượng giỏ hàng ở góc phải thanh menu chức năng. * 2. [OUT] Hệ thống hiển thị bảng danh sách sản phẩm mà khách hàng chọn mua với các trường hình ảnh, tên, mô tả, giá, số lượng,… * 3a. [IN] Khách hàng click vào button +, - thay đổi số lượng sản phẩm. * 3b. [IN] khách hàng chọn button xoá sản phẩm trên dòng sản phẩm tương ứng muốn xoá. * 3c. [IN] khách hàng chọn thêm sản phẩm vào giỏ hàng. * 4a. [OUT] Hệ thống kiểm tra số lượng và cập nhật số lượng đồng thời trả về số lượng mới và tổng giá mới. * 4b. [OUT] Hệ thống kiểm tra, xoá và trả về danh sách sản phẩm mới trong giỏ hàng. * 4C. [OUT] Hệ thống gọi đến chức năng thêm giỏ Hàng. |
| Dòng sự kiện phụ |  |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng. |
| Điều kiện tiên quyết | Phải truy cập vào trang web bán hàng |
| Hậu điều kiện | Số lượng sản phẩm sẽ được lưu trữ vào chi tiết đơn hàng và đơn hàng. |

* Sơ đồ sequence:



1. Tìm kiếm



* + Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Tìm kiếm |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng tìm kiếm theo danh mục sản phẩm: sách giáo khoa, tiểu thuyết, truyện cười, DVD âm nhạc, DVD tiếng anh, đồ dùng học tập,…. |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | * 1) [IN] Khách hàng chọn tiêu chí tìm kiếm, mặc định là tất cả các danh mục. Sau đó nhập từ khoá muốn tìm kiếm và nhấn button tìm kiếm. * 2) [OUT] Hệ thống thực hiện tìm kiếm trong hệ thống và hiển thị danh sách trả về. * 3) [IN] Người dùng chọn sản phẩm muốn tìm kiếm để xem chi tiết. * 4) [OUT] Hệ thống gọi đến chức năng xem chi tiết. |
| Dòng sự kiện phụ | A4- Ở bước này khách hàng có thể chọn chức năng xem chi tiết để xem chi tiết sản phẩm, hệ thống sẻ gọi use case chức năng xem chi tiết. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Phải truy cập vào trang web bán hàng |
| Hậu điều kiện |  |

* Sơ đồ sequence:



1. Duyệt theo danh mục



* + Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Duyệt theo danh mục |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng tìm kiếm nhanh danh sách sản phẩm theo danh mục sản phẩm hiện thị trên thanh sidebar. |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. [IN] Khách hàng click vào danh mục muốn tìm kiếm. 2. [OUT] Hệ thống hiển thị danh sách danh mục con. 3. [IN] Khách hàng chọn danh mục con muốn xem. 4. [OUT] Hệ thống hiển thị kết quả duyệt. |
| Dòng sự kiện phụ | 5a. Nếu người dùng click vào “Xem Chi Tiết”.  6a. Hệ thống gọi đến chức năng xem chi tiêt sản phẩm. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Phải truy cập vào trang web bán hàng |
| Hậu điều kiện |  |

* Sơ đồ sequence:



1. Xem chi tiết



* Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xem chi tiết |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng tìm kiếm nhanh danh sách sản phẩm theo danh mục sản phẩm hiện thị trên thanh sidebar. |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. [IN] Khách hàng click vào tên sản phẩm để tiến hành xem chi tiết sản phẩm. 2. [OUT] Hệ thống hiện thị thông tin chi tiết về sản phẩm đó như tên sản phẩm, mô tả, giá cả, hình ảnh, chủ đề, tên tác giả nếu là sách. |
| Dòng sự kiện phụ | 3a) [IN] Khách hàng chọn thêm vào giỏ hàng.  3b) [IN] Khách hàng chọn đánh giá sản phẩm.  4a) [OUT] Hệ thống thêm sản phẩm vào giỏ hàng và cập nhật lại số lượng trên biểu tưởng giỏ hàng.  4b) [OUT] Hệ thống gọi đến use case chức năng đánh giá và bình luận. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Phải truy cập vào trang web bán hàng va đang ở trong màn hình có chứa danh sách sản phẩm |
| Hậu điều kiện | Sản phẩm được cập nhật lại số lượng trong cơ sở dữ liệu |

* Sơ đồ sequence:



1. Đánh giá và bình luận:
   * Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Bình luận sản phẩm |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng bình luận về sản phẩm |
| Tác nhân | Khách hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. [IN] Khách hàng chọn chức năng “Đánh giá và Bình Luận”. 2. [OUT] Hệ thống hiển thị cửa số cho phép đánh giá số sao và nhập tiêu đề cùng nội dung bình luận. 3. [IN] Người dùng nhập nội dung bình luận và chọn “Hoàn tất”. 4. [OUT] Hệ thống hiển thị nội dung đánh giá bình luận lên website. |
| Dòng sự kiện phụ |  |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Khách hàng phải đăng nhập và đang ở trong cửa sổ xem chi tiết sản phẩm |
| Hậu điều kiện | Thêm thông tin đánh giá bình luận của khách hàng vào database |
| Dòng ngoại lệ |  |

* Sơ đồ sequence:



1. Quản lý đơn đặt hàng



* + Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lý đơn đặt hàng |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng xem danh sách các đơn đặt hàng của mình |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. [IN] Khách hàng chọn “Quản lí đơn đặt hàng”. 2. [OUT] Hiển thị danh sach đơn đặt hàng. |
| Dòng sự kiện phụ | 3a) [IN] Khách hàng chọn xem chi tiết đơn đặt hàng.  3b. [IN] Khách hàng chọn huỷ đơn đặt hàng.  4a) [OUT] Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về đơn đặt hàng như danh sách sản phẩm, giá tiền, ngày đặt, số lượng từng sản phẩm.  4b. [OUT] Hệ thống kiểm tra, xoá đơn đặt hàng trong csdl và thông báo huỷ thành công, chuyển về cửa sổ hiển thị danh sách đơn đặt hàng. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Phải đăng nhập vào website |
| Hậu điều kiện |  |
| Dòng sự kiện ngoại lệ | 2a. Những đơn hàng trước thời điểm hiện tại không được phép huỹ thì button huỹ sẽ bị disable.  4a. Nếu huỷ đơn hàng không hợp lệ thì hệ thống thông báo huỹ đơn hàng thất bại. |

* Sơ đồ sequence:



1. Hoàn tất đặt hàng



* + Đặc tả use case:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Hoàn tất đặt hàng |
| Tóm tắt | Cho phép khách hàng hoàn thành đơn đặt hàng và tiến hành thanh toán để có được sản phẩm. |
| Tác nhân | Khác hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. [IN] Khách hàng chọn chức năng hoàn tất đặt hàng. 2. [OUT] Hệ thống yêu cầu nhập thông tin giao hàng 3. [IN] Khách hàng nhập thông tin giao hàng ( thời gian, địa điểm) và chọn đăng ký nhận mail thông báo về sản phẩm vừa mua. 4. [OUT] Hệ thống yêu cầu chọn loại tài khoản thanh toán Paypal hoặc Bảo Kim. 5. [IN] Khách hàng chọn hình thức thanh toán Paypal hoặc Bảo Kim. 6. [OUT] Hệ thống yêu cầu thông tin số tài khoản. 7. [IN] Khách hàng nhập số tài khoản sử dụng thanh toán và chọn nhận mã qua mail hoặc số điện thoại. 8. [OUT] Hệ thống gửi yêu cầu đến hệ thống ngân hàng để xác minh tài khoản và thông báo hợp lệ bằng mã qua điện thoại hoặc mail. 9. [IN] Khách hàng nhập mã thanh toán được bởi hệ thống thanh toán. 10. [OUT] Hệ thống gửi mã thanh toán đến hệ thống thanh toán kiểm tra và thanh toán và gửi về kết quả số dư tài khoản hợp lệ. 11. [IN] Khách hàng chọn hoàn tất để hoàn tất quy trình thanh toán. 12. [OUT] Hệ thống cập nhật trạng thái đơn hàng vào csdl và thông báo thanh toán thành công cùng thông tin giao hàng. |
| Dòng sự kiện phụ |  |
| Các yêu cầu đặc biệt | Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Phải truy cập vào trang web bán hàng |
| Hậu điều kiện | Sản phẩm được cập nhật lại số lượng trong cơ sở dữ liệu |
| Dòng sự kiện ngoại lệ | 3a- Nếu khách hàng chưa đăng nhập, hệ thống sẽ gửi người dùng đến cửa sổ đăng nhâp, người dùng đăng nhập thành công thì quay trở lại màn hình nhập thông tin giao hàng.  8a- Nếu tài khoản không hợp lệ, quay lại bước 7 và thông báo vui lòng kiểm tra lại tài khoản.  10a- Nếu mã thanh toán không hợp lệ quay lại bước 9 hoặc chọn gửi lại mã xác nhận qua mail hoặc qua điện thoại. |

* Sơ đồ sequence:

